

PHỤ LỤC II
CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA HỒ SƠ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 21/SDTTG-TG ngày 07 /7/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

I. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo

1. Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức; tên tôn giáo; tôn chỉ, mục đích; nội dung, địa bàn hoạt động; nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng người tin theo; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở.

2. Danh sách, sơ yếu lý lịch, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức.

3. Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi.

4. Quy chế hoạt động của tổ chức.

5. Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

II. Hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo

1. Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị công nhận, tên giao dịch quốc tế (nếu có); tên tôn giáo; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng tín đồ, địa bàn hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề nghị; cơ cấu tổ chức, trụ sở của tổ chức.

2. Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

3. Danh sách, sơ yếu lý lịch, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức.

4. Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi.

5. Hiến chương của tổ chức.

6. Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức.

7. Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

III. Hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; tên tổ chức đề nghị; tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập; tên tổ chức, người đại diện tổ chức trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm thành lập; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

2. Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

3. Danh sách, sơ yếu lý lịch, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc.

4. Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có).

5. Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

6. Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

IV. Hồ sơ đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

1. Văn bản đăng ký nêu rõ họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

2. Sơ yếu lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

3. Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

V. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo

1. Văn bản đề nghị thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, tên cơ sở đào tạo, họ và tên người đại diện cơ sở đào tạo, sự cần thiết thành lập cơ sở đào tạo.

2. Danh sách, sơ yếu lý lịch, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo cơ sở đào tạo.

3. Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở đào tạo gồm các nội dung cơ bản: tên cơ sở đào tạo; địa điểm đặt trụ sở; chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức, nhân sự; trình độ, loại hình đào tạo; chương trình, nội dung giảng dạy và chuẩn đào tạo của từng trình độ đào tạo; tài chính, tài sản.

4. Dự thảo quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo.

5. Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp và cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo; ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa điểm đặt cơ sở đào tạo tôn giáo.

VI. Văn bản thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc

Văn bản thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc phải nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, họ và tên, phẩm vị, địa bàn hoạt động, tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo kèm theo sơ yếu lý lịch của chức sắc.

VII. Đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo quy định tại Nghị định số 95/2023/NĐ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 23 như sau:

“d) Bản sao hộ chiếu, văn bản xác nhận người được đề nghị không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo nguyên tắc có đi có lại.”.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 3 Điều 25; khoản 5 Điều 28.

3. Bãi bỏ cụm từ “phiếu lý lịch tư pháp” tại điểm c khoản 2 Điều 11; điểm c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 2 Điều 24; các Mẫu B8, Mẫu B9, Mẫu B13, Mẫu B14, Mẫu B15, Mẫu B18, Mẫu B19, Mẫu B24, Mẫu B44, Mẫu B46.

4. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B2, Mẫu B4 như sau:

“(2) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức lễ hội đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong một xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong nhiều xã trên địa bàn tỉnh.”.

5. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B26 như sau:

“(2) Cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.”.

6. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B30 như sau:

“(2) Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã; cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh; Bộ Dân tộc và Tôn giáo đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh.”.

7. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B31 như sau:

“(2) Bộ Dân tộc và Tôn giáo đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một xã.”.

8. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B33 như sau:

“(2) Bộ Dân tộc và Tôn giáo đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một xã.”.

9. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B34 như sau:

“(2) Cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức trên địa bàn xã.”.

10. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B35 như sau:

“(2) Cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức giảng đạo đối với việc tổ chức giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc giảng đạo có quy mô tổ chức trên địa bàn xã.”.

11. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B41 như sau:

“(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

12. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B42 như sau:

“(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

13. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B49 như sau:

“(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài địa bàn một xã; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp tổ chức quyên góp trên địa bàn xã.”.

14. Bỏ từ “huyện” tại (4) Mẫu B5, Mẫu B6.

15. Bãi bỏ đoạn “bản chính hoặc bản sao có chứng thực phiếu lý lịch tư pháp” và đoạn “Trường hợp người được đề nghị đã cư trú ở Việt Nam trên 06 tháng liên tục phải có thêm bản chính phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp” tại Mẫu B45./.